

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 28- 10 - 2021  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huyền.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Đăng
2. Ông Hoàng Văn Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-6-2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24-6-2021, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 08-10-2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh Q, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố O, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*

Bà và ông Phạm Thanh Q tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 13 tháng 5 năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Q ham nhậu nhẹt, chơi cờ bạc, cá độ gây nợ nần cho gia đình dẫn đến cãi

vã, vợ chồng không có sự gần gũi, chia sẻ, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 3-2021, bà chuyển ra ngoài thuê nhà sinh sống, ông Q sinh sống tại nhà thuộc khu phố O, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trong thời gian vợ chồng ly thân, bà và ông Q không gặp gỡ nhau, không ai có nguyện vọng đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Q.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thực O, sinh ngày 10-11-2004. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn ông Phạm Thanh Q nhưng ông Q vắng mặt và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:*

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. **Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp quy định của pháp luật.** Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Phạm Thanh Q nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Phạm Thanh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của bà N, Giấy chứng nhận kết hôn số 46 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 5 năm 2005 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Bà N và ông Q tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của bà N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân nên Hội đồng xét xử xác định giữa bà N và ông Q có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập ông Q để làm việc, hòa giải nhưng ông Q vắng mặt và cũng không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Tại phiên tòa, mặc dù được Hội đồng xét xử động viên đoàn tụ gia đình nhưng bà N cương quyết yêu cầu ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông Q là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông Q.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 14 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 07 tháng 02 năm 2006, có cơ sở để xác định: Bà N và ông Q có một con chung là Phạm Thục O, sinh ngày 10-11-2004.

Xét lời khai của bà N xác định từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Phạm Thục O sinh sống với cả cha và mẹ, bà N hiện có công việc ổn định, bản thân cháu O là con gái, cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ; cháu O cũng có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của cháu O, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu O cho bà N trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu nên ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” của bà Trần Thị N đối với ông Phạm Thanh Q.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Phạm Thanh Q.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Phạm Thục O, sinh ngày 10-11-2004 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Phạm Thanh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị N chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 6417 ngày 01-4-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà Trần Thị N đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-10-2021), nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Bùi Thị Huyền**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Huyền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Xuân Thường**